TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HSPT
Ngày 20-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng
Các Thẩm phán: Ông Hà Viết Toàn
Ông Phan Tiến Dũng
-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:** Bà Đinh Ê Ban Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 18/2019/TLPT-HS ngày 22 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Văn Ph do có kháng cáo của bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo bị kháng cáo: **Nguyễn Văn Ph**, sinh năm 1969, tại A , Gia Lai. Nơi cư trú: tổ dân phố PHL (tổ 7 cũ), thị trấn Kông Ch, huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn S và bà Lê Thị D, có vợ Nguyễn Thị Kỳ Ng và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2001; tiền án; tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1958

Trú tại: tổ dân phố PHL (làng HK cũ), thị trấn Kông Ch, huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 10/01/2019 Đinh Kh điều khiển máy cày vào cày đất cho Nguyễn Văn Ph tại thửa đất số 58, tờ bản đồ số 9, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R826283 ở gần suối Hle thuộc tổ dân phố PHL (trước đây là làng HK) thị trấn Krông Ch. Thửa đất này Nguyễn Văn Ph đã mua của Đinh Văn Th vào tháng 12/2015 và Th đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho Ph để làm thủ tục sang nhượng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, thấy Kh đang cày đất nên

Nguyễn Đắc Tr gọi điện thoại thông báo cho ông Nguyễn Đức T biết. Một lúc sau ông T vào rẫy và ngăn cản không cho Kh cày đất nên Kh đã gọi điện thoại báo cho Nguyễn Văn Ph biết sự việc. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn Ph vào tới rẫy và cãi nhau với ông Nguyễn Đức T, đồng thời Ph bảo Kh tiếp tục cày đất nhưng Kh không dám cày. Thấy Kh không dám cày. Thấy Kh không cày nên Nguyễn Văn Ph đã leo lên máy cày, hạ giàn chảo cày phía sau xuống, nâng muỗng xúc lật phía trước lên để cày đất thì ông T chạy ra trước máy cày để ngăn cản, Nguyễn Văn Ph vân tiếp tục vẫn điều khiển máy cày để cày đất thì tông vào người ông T làm ông T rớt vào trong muỗng xúc lật rồi ngã xuống đất, sau đó ông Nguyễn Đức T lăn tránh qua một bên rồi đứng dậy nhặt một đoạn phần ngọn của cây mía đâm vào hông phải, sau đó đánh vào đầu gối và ngón cái chân trái của Nguyễn Văn Ph. Vì bực tức nên Nguyễn Văn Ph dùng máy cày, lấy mỏ lết nhảy xuống rồi dùng mỏ lếch đánh ông T, ông T dùng tay trái đỡ thì trúng vào cẳng tay trái và vùng đầu sau tay trái làm cho ông T bị thương tích phải cấp cứu tại Trung tâm y tế huyện Kông Ch, sau đó phải chuyển lên bệnh viện đa khoa tỉnh Gia Lai để điều trị. Đến ngày 18/01/2019 thì ông T được xuất viện.

Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 155/19/TgT ngày 07/8/2019 của Viện Pháp y Quốc gia tại thành phố Hà Nội kết luận tổng tỷ lệ thương tích của ông Nguyễn Đức T tại thời điểm giám định là 16%.

2. Giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm:

Tại bản án hình sơ sơ thẩm số 18/2019/HSST ngày 22-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ph phạm tội "Cố ý gây thương tích"

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1 Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt Nguyễn Văn Ph 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph cho chính quyền địa Ph nơi bị cáo thường trú là Ủy ban nhân dân thị trấn Kông Ch, huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Đức T, buộc bị cáo Nguyễn Văn Ph phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Đức T số tiền tổng cộng 56.805.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Ph đã nộp bồi thường số tiền 30.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai theo Biên lai 0009371, ngày 30/8/2019; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 26.805.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng);

Không chấp nhận khoản tiền người bị hại Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Ph phải bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng 1.514.098.000 đồng (một tỷ năm trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, e khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ph phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.340.250 đồng (Một triệu ba trăm bốn mười nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Đức T phải chịu số tiền án phí đối với số tiền không được chấp nhận (số tiền 1.514.098.000 đồng), số tiền 57.422.940 đồng (Năm mươi bảy triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn chín trăm bốn mươi đồng) án phí sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về xử lý vật chứng, và quyền kháng cáo của bị cáo, bị hại theo luật định.

3. Kháng cáo của bị hại

Ngày 05/12/2019 bị hại Nguyễn Đức T kháng cáo toàn bộ bản án

4. Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo. Về phần dân sự, giữ nguyên yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường số tiền thiệt hại là 1.563.720.000 đồng theo bản kê.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên và không có ý kiến gì khác.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét các nội dung kháng cáo của bị hại:

Về việc bị hại cho rằng hành vi của bị cáo là phạm tội "Giết người": Xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện, xuất phát từ mâu thuẫn do tranh chấp đất đai với bị cáo Nguyễn Văn Ph nên ngày 10/01/2019 khi nghe anh Nguyễn Đắc Tr thông báo việc anh Đinh Khếch đang cày đất thì bị hại Nguyễn Đức T vào rẫy can ngăn không cho anh Kh cày đất. Anh Kh gọi điện báo bị cáo Ph thì bị cáo Ph vào rẫy và xảy ra cải nhau giữa bị cáo và bị hại, cùng lúc bị cáo bảo anh Khêch tiếp tục cày đất nhưng Kh không dám cày. Thấy Kh không cày nên bị cáo đã leo lên máy cày, hạ giàn chảo cày phía sau xuống, nâng muỗng xúc lật phía trước lên để cày đất thì ông T chạy ra trước máy cày để ngăn cản, bị cáo yêu cầu ông T tránh ra và vẫn tiếp tục điều khiển máy cày đất chạy chậm nên tông vào người ông T làm ông T rớt vào trong muỗng xúc lật rồi ngã xuống đất, sau đó ông T lăn tránh qua một bên rồi đứng dậy nhặt một đoạn phần ngọn của cây mía đâm vào hông phải, rồi đánh vào đầu gối và ngón cái chân trái của bị cáo. Bị cáo bực tức nên dừng máy cày, lấy mỏ

lết nhảy xuống rồi dùng mỏ lếch đánh ông T, ông T dùng tay trái đỡ thì trúng vào cẳng tay trái và vùng đầu sau tay trái làm cho ông T bị thương tích. Tại kết luận giám định pháp y về thương tích số 155/19/TgT ngày 07/8/2019 của Viện Pháp y Quốc gia tại thành phố Hà Nội kết luận tổng tỷ lệ thương tích của ông Nguyễn Đức T tại thời điểm giám định là 16%.

Như vậy, bị cáo đã có hành vi cố ý dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại với tỉ lệ 16% nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội"Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội. Cũng vì vậy, hành vi kể trên không cấu thành tội "Giết người".

Về việc bị hại cho rằng tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi xét xử vắng mặt bị hại mặc dù bị hại có đơn xin hoãn phiên tòa: Xét ông Nguyễn Đức T, là bị hại trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa ngày 30/10/2019 đã bị hoãn do theo đơn xin hoãn phiên tòa của ông T nhưng đến phiên tòa ngày 22/11/2019 ông T tiếp tục xin hoãn phiên tòa vì lý do không đủ sức khỏe để dự phiên tòa và đến lịch để đi tái khám trong khi lịch khám vào ngày 20/11/2019. Nay ông T kháng cáo cho rằng việc xét xử vắng mặt ông là vi phạm thủ tục tố tụng nhưng ông không trình bày được lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan nào. Do đó, việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xử vắng mặt ông tại phiên tòa ngày 22/11/2019 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về việc bị hại cho rằng ông chưa chấp nhận kết quả giám định nên phải chờ kết quả giám định mới: Xét theo yêu cầu của ông T và xét thấy kết luận giám định số 41/2019/TgT ngày 22/02/2019 chưa đúng do giám định thiếu thương tích "rách da ống tai trái" và giám định thừa thương tích "vết thương phần mềm ở vành tai trái trước". Nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trưng cầu giám định lại tại Viện pháp y Quốc Gia là cơ quan giám định theo yêu cầu của ông T và đã có kết luận giám định số 155/19/TgT ngày 07/8/2019. Nay ông T cho rằng không chấp nhận kết quả giám định này nhưng không cung cấp được lý do gì, ngoài ra, cơ quan tố tụng cũng không có văn bản nào thể hiện việc vụ án đang được tiếp tục trưng cầu giám định. Do đó, cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử là không vi phạm thủ tục tố tụng và không ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông T về vấn đề trên.

Về việc bị hại cho rằng tòa chưa "giám định thiệt hại tài sản" theo bản kê của ông mà vẫn đưa ra xét xử là không có chứng cứ: Xét các thiệt hại tài sản theo ông T kê khai là yêu cầu về dân sự, ông T có trách nhiệm cung cấp chứng cứ để chứng minh, việc ông yêu cầu tòa án phải "giám định thiệt hại tài sản" để giải quyết bồi thường cho ông là không đúng quy định của pháp luật.

Về việc bị hại cho rằng bỏ lọt tội phạm đối với Đinh Kh và Nguyễn Đắc Tr vì có dấu hiệu cho thấy hai người này đã cùng bị cáo bàn bạc từ đầu: Xét bị hại không cung cấp chứng cứ gì mà chỉ là phán đoán. Bên cạnh đó, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị hại tại phiên tòa này đều thể hiện giữa bị hại với anh Kh anh Tr không có mâu thuẫn gì với nhau, bị cáo Nguyễn Văn Ph là người thuê Đinh Kh cày đất, khi thấy Kh cày đất thì anh Tr gọi điện báo cho bị hại biết và bị hại đến can ngăn không cho Kh cày đất nên Kh mới gọi bị cáo đến, sự việc cải vã, xô

xát và gây thương tích chỉ xảy ra vào thời điểm này và ngoài ý thức của anh Kh và anh Tr. Do đó, không có căn cứ xác định anh Kh và anh Tr cùng đồng phạm với bị cáo.

Việc bị hại đề nghị tăng hình phạt và không cho bị cáo hưởng án treo do hành vi bị cáo là "có tích chất côn đồ", "tái phạm nguy hiểm", "sử dụng hung khí nguy hiểm", "cầm đầu chủ mưu": Xét bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho bị hại 16% nên bị truy tố, xét xử bị cáo về tội"Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; bản thân bị cáo chưa có tiền án nên không thuộc trường hợp "tái phạm nguy hiểm".

Mặc khác, khi xảy ra tranh chấp đất đai, bị hại không khiếu kiện theo quy định pháp luật mà có hành vi ngăn cản không cho bị cáo canh tác, quá trình cải vã, bị cáo không đồng ý việc bị hại ngăn cản nên tiếp tục leo lên máy cày để cày đất, việc này thể hiện rõ hành động của bị cáo là hạ giàn chảo xuống và nâng muỗng xúc lên để cày đất, trước phương tiện nguy hiểm nhưng bị hại vẫn đi đến đứng trước máy cày dẫn đến việc máy cày tông vào người làm bị hại rớt vào trong muỗng xúc lật rồi ngã xuống đất. Tuy nhiên, bị hại không dừng lại mà tiếp tục dùng ngọn mía đâm vào hông phải, rồi đánh vào đầu gối và ngón cái chân trái của bị cáo mới dẫn đến việc bị cáo đánh bị hại. Điều đó thể hiện rõ xuất phát hành vi của bị cáo là có phần lỗi của bị hại nên không thể coi việc bị cáo xâm hại sức khỏe bị hại trong trường hợp này là "có tích chất côn đồ", vụ án không có đồng phạm nên bị cáo cũng không thuộc trường hợp "cầm đầu chủ mưu".

Xét hành vi gây thương tích xảy ra do bộc phát của bị cáo xuất phát từ lỗi của bị hại, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo và thể hiện sự ăn năn hối cải bằng cách tích cực bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, sau khi cấp sơ thẩm xử, bị cáo tiếp tục bồi thường toàn bộ thiệt hại theo bản án sơ thẩm tuyên. Điều đó thể hiện bản thân bị cáo đã quyết tâm sửa chữa và cũng có căn cứ khẳng định tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại Điều 54 bộ luật hình sự, xử bị cáo mức án 18 tháng tù là thỏa đáng, đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, lỗi của bị hại và các tình tiết giảm nhẹ mà bị được áp dụng. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo có chỗ ở ổn định, đã thể hiện rõ việc tự khắc phục, sữa chữa sai lầm, tự cải tạo bản thân, đủ điều kiện áp dụng cho bị cáo Điều 65 Bộ luật hình sự, theo đó cho bị cáo được hưởng án treo để cải tạo tại chỗ dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa Ph là không gây nguy hiểm cho xã hội, đủ tác dụng giáo dục bị cáo, đủ tác dụng răn đe phòng ngừa.

Về các khoản bồi thường theo yêu cầu bị hại: Xét cấp sơ thẩm đã xem xét, nhận định rõ từng yêu cầu của bị hại để chấp nhận hay không chấp nhận. Nội dung xem xét về vấn đề này đều đúng quy định của pháp luật. Nay bị hại kháng cáo nhưng cũng không cung cấp chứng cứ gì nên kháng cáo không có căn cứ. Khi phát sinh vấn đề làm thay đổi mức bồi thường, bị hại có quyền làm đơn khởi kiện về việc thay đổi mức bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của pháp luật.

Theo bản kê khai của bị hại tổng số tiền yêu cầu là 1.563.720.000đ nhưng cấp sơ thẩm xác định tổng số tiền yêu cầu là 1.570.903.000đ là không đúng yêu

cầu của đương sự, vấn đề này Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại cho đúng.

Từ những phân tích trên thấy rằng, kháng cáo của bị hại không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị hại về các vấn đề trên.

[2] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại nộp đơn xin miễn án phí và chi phí tố tụng khác với lý do gia đình khó khăn. Căn cứ Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án thì trường hợp của bị hại chỉ được miễn án phí đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe, còn đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản thì bị hại không thuộc trường hợp được miễn án phí. Bởi lẽ các yêu cầu này đều không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật, tại phiên tòa sơ thẩm bị hại vắng mặt nhưng tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã giải thích cho bị hại quy định tại Điều 23 Nghị quyết nêu trên về hậu quả của việc yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản không đúng quy định pháp luật nhưng bị hại vẫn giữ nguyên yêu cầu đòi bồi thường số tiền 1.563.720.000đ như bản kê khai mà không cung cấp chứng cứ chứng minh thiệt hại tài sản.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị hại phải chịu án phí trên tổng số tiền 1.514.090.000đ là không đúng bởi vì bị hại chỉ phải chịu án phí dân sự đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản không đúng pháp luật là 1.119.250.000đ, số tiền còn lại là do yêu cầu bồi thường thiệt hại sức khỏe nên được miễn án phí.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại về án phí, không chấp nhận toàn bộ các kháng cáo còn lại. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí, giữ nguyên bản án sơ thẩm các phần còn lại.

Do án sơ thẩm bị sửa nên bị hại không phải chịu án phí phúc thẩm.

Đối với số tiền bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 26.805.000 đồng, sau khi cấp sơ thẩm xử bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai theo biên lai 0009374, ngày 26/12/2019;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự,

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ph 18 (mười tám) tháng tù về tội "cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 36 (ba sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Văn Ph cho chính quyền địa Ph nơi bị cáo thường trú là Ủy ban nhân dân thị trấn Kông Ch, huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện, quận thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho UBND cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 2 Điều 48 của Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586 và 590 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn Đức T, buộc bị cáo Nguyễn Văn Ph phải bồi thường cho người bị hại Nguyễn Đức T số tiền tổng cộng 56.805.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Ph đã nộp bồi thường số tiền 30.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai theo Biên lai 0009371, ngày 30/8/2019; bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 26.805.000 đồng (Hai mươi sáu triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng);

Không chấp nhận khoản tiền người bị hại Nguyễn Đức T yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Ph phải bồi thường thiệt hại số tiền tổng cộng 1.506.915.000 đồng (một tỷ năm trăm mười bốn triệu không trăm chín mươi tám nghìn đồng).

Đối với số tiền bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường là 26.805.000 đồng, sau khi cấp sơ thẩm xử bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện Kông Ch, tỉnh Gia Lai theo biên lai 0009374, ngày 26/12/2019;

3. *Về vật chứng*: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu huỷ: 01 cây Mỏ lết màu trắng dài 38cm, phần đầu dài 12cm, phần đầu Mỏ lết có hàm đóng mở để vặn ốc, chiều rộng khi mở hết cỡ là 10cm, phần hẹp nhất 0,5cm, phần dày nhất 02cm, phần thân dài 26cm, phần rộng nhất 4,2cm, phần hẹp nhất 03cm, phần dày nhất 01cm, trên thân một mặt có dòng chữ PROFESSION TOOLS 15, mặt ngược lại có dòng chữ TOP GERANY. Tình trạng: đã qua sử dụng, lớp sơn kim loại nhiều chỗ bị bong tróc, lộ phần sắt bên trong, có bám dính nhiều vết bẩn, dầu nhớt.

(*Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 25/9/2019 giữa Công an huyện Kông Ch với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kông Ch*).

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a, e khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án;

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn Ph phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.340.250 đồng (Một triệu ba trăm bốn mười nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Nguyễn Đức T phải chịu số tiền án phí đối với số tiền không được chấp nhận (số tiền 1.119.250.000đ), số tiền 45.577.500 đồng (Bốn mươi lăm triệu năm trăm bảy bảy nghìn năm trăm đồng) án phí sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Kông Ch;
- Chi cục THADS huyện Kông Ch;
- Công an huyện Kông Ch;
- Bị cáo; Bị hại
- Lưu VT, THS, HSVA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Kim Hồng